

## Những tiền đề văn hóa xã hội của Du ký Việt Nam hiện đại

Nguyễn Thị Thúy Hằng\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 25 tháng 4 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 4 tháng 5 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2015

**Tóm tắt:** Văn hóa xã hội Việt Nam có sự thay đổi mạnh mẽ do quá trình tiếp xúc Đông Tây. Sự tiếp xúc này tác động nhiều mặt đến đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của nước ta, thay đổi quan niệm và nhận thức của người Việt về nhiều lĩnh vực. Việc xuất hiện chữ quốc ngữ là một trong những điều kiện đa chiều cho sự phát triển của văn học nói chung, văn du ký nói riêng, thậm chí cả sự “phát triển” của người viết và người đọc cũng tăng lên đáng kể.

Về văn hóa, do ảnh hưởng của quan niệm về con người cá nhân của Tây phương, trong văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX hình thành một cảm hứng lãng mạn khẳng định con người cá nhân, cảm hứng ra đi, tách khỏi không gian cộng đồng, xô dịch, giang hồ. Một số yếu tố khác là điều kiện đủ đóng vai trò quan trọng cho việc đi và viết là các phương tiện hỗ trợ như: đường giao thông phát triển, phương tiện giao thông thuận tiện, việc in ấn, xuất bản nhanh chóng kịp thời...

*Từ khóa:* Văn hóa xã hội, du ký Trung đại, văn du ký, tiền đề văn hóa xã hội.

Người Phương Tây coi việc đi du lịch là để tìm hiểu những cái khác (the other) với mình: nền văn hóa khác, con người khác, cảnh vật khác...; Người Trung Quốc thì coi việc đi du lịch là đi “cầu thân, cầu dị, cầu mỹ”, tức là đi để tìm hiểu cái mới, cái khác lạ và cái đẹp. Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn hóa Trung Quốc trong hàng ngàn năm nên quan niệm đi giống với họ là điều có thể hiểu được. Chính từ những nhu cầu đi để hiểu biết ấy là yếu tố thúc đẩy mọi người đi du lịch – cũng là nhân tố gián tiếp góp phần hình thành văn học du lịch.

Lâm Ngữ Đường (1895-1976), một học giả Trung Quốc nổi tiếng thế giới, người đã hết sức nỗ lực trong nối kết hai nền văn hóa Đông và Tây đã viết về du lịch hiện đại như sau: “Du lịch, ngày xưa là một loại thú vui đi đây đi đó, còn ngày nay, đã phát triển thành một ngành kinh tế. Du lịch ngày nay đã tiện lợi hơn rất nhiều so với hàng trăm năm về trước” [1]. Tuy hàng trăm năm về trước việc đi du lịch theo đúng nghĩa là rất hiếm hoi không chỉ ở Việt Nam mà trên khắp thế giới, nhưng cũng vẫn có khá nhiều tác phẩm mang tính chất của văn du ký. Từ thế kỷ XVI, Dương Văn An đã viết *Ô Châu cận lục*, một cuốn sách địa lý ghi lại những tên làng, tên núi, tên sông, những sản vật, muông thú, những thành thị, chợ búa, nhà

\* ĐT.: 84-983653771

Email: hangthu98@gmail.com

trạm, đồn binh, danh lam thắng tích, những ngành nghề và tập quán sinh sống của nhân dân ở các làng quê... với ngôn ngữ đầy hình ảnh và sự gợi tả bằng chính tâm hồn của mình và của nhân dân nên tuy bút pháp về địa lí mà đạt đến tính văn học. Cũng trong cuốn sách này, Dương Văn An đã có nhận xét là người Chiêm Thành thờ “dâm vật” mà ông không hiểu văn hóa thờ Linga-Yoni của người Chiêm Thành, vốn là một nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ. Linga lại là vật thờ không thể thiếu của các nền văn hóa cổ chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Văn hóa thờ Linga – Yoni (âm dương kết hợp) chính là sự thờ cúng thần Siva, là biểu tượng cho sự sinh sôi nảy nở trong trời đất, làm cho mùa màng cây cối tốt tươi, giống vật và loài người ngày càng đông đúc là do đực – cái, âm – dương kết hợp với nhau mà thành.

Việt Nam thuộc nền văn minh Phương Đông vốn dựa trên bản thể là nền văn minh nông nghiệp với yếu tố tĩnh tại đối lập với nền văn minh Phương Tây có bản thể là nền văn minh công nghiệp với yếu tố động. Hoài Thanh đã có nhận xét không sai về xã hội Việt Nam trước và khi tiếp xúc với văn hóa Phương Tây: “Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần”, nhưng rồi “Sự gặp gỡ Phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ” [2]. Khi nền văn minh Phương Tây du nhập vào Việt Nam đã khiến ai cũng nhận ra một độ chênh lớn trên nhiều phương diện giữa văn minh Đông và Tây. Một số trí thức sớm hòa nhập được với văn minh Phương Tây thông qua ngôn ngữ của họ đã nhận ra cách ngắn nhất để thu hẹp độ chênh với tiến bộ của nhân loại, cách duy nhất đối diện với văn minh Phương Tây là học hỏi nền văn minh của họ. Những trí thức Tây học ở thế hệ sớm nhất được tiếp cận với nền giáo dục phương Tây mà trực tiếp là Pháp. Những trí

thức Tây học này có sự hiểu biết đầy đủ và toàn diện hơn so với các trí thức chỉ thuần Nho học vì họ có điều kiện thuận lợi để tiếp thu những luồng tư tưởng mới và tiến bộ. Chính những trí thức Tây học này đã góp phần quan trọng truyền bá văn hóa, văn minh Phương Tây vào Việt Nam.

Sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây đã được các nhà nghiên cứu Việt Nam và thế giới nghiên cứu rất nhiều. Từ những nghiên cứu này, chúng ta có cái nhìn rất đa dạng về sự tiếp xúc Đông Tây: có nhà nghiên cứu Phương Đông với cái nhìn từ Tây đến Đông, có cái nhìn ngược lại bởi các nhà nghiên cứu Phương Tây. Cũng có những cái nhìn hết sức khách quan từ các nhà nghiên cứu độc lập... Có nhà nghiên cứu nghiên cứu từ góc độ tôn giáo, có nhà nghiên cứu nghiên cứu từ góc độ kinh tế, một số nhà nghiên cứu khác lại nghiên cứu từ góc độ biến đổi của văn hóa, chính trị, triết học, giáo dục, con người... Sự đa dạng này là đương nhiên bởi sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây có trên mọi phương diện của đời sống.

Giao lưu văn hóa Đông Tây qua nhiều kênh từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đã tạo ra những tiền đề văn hóa xã hội cho sự chuyển mình của văn học Việt Nam từ loại văn thơ cổ có niêm luật rõ ràng sang văn thơ mới có phong cách tự do theo trào lưu tiếp nhận từ Phương Tây. Đoàn Lê Giang cho rằng du ký là một trong ba hiện tượng văn học phát triển của giai đoạn đầu thế kỷ XX: “Có ba hiện tượng văn học giống nhau ở hai nước (Việt Nam và Nhật Bản – NTTTH chú theo Đoàn Lê Giang), đó là sự xuất hiện của các du ký, sự bùng nổ của văn học dịch và sự ra đời của văn học duy tân - khai mông chủ nghĩa. Đây là thời đại người ta đi và đi: đi ra khỏi nhà mình, ra khỏi làng mình và ra khỏi nước mình. Vì thế du ký là thể loại phát triển rất mạnh” [3]. Nhu cầu đi và viết lúc đó xuất phát từ các tiền đề của văn hóa xã hội, đặc

biệt là trong quá trình của sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây. Những phân tích sẽ chứng minh từ *du ký trung đại sang du ký hiện đại*, Xã hội Việt Nam đã trải qua một quá trình giao lưu và tiếp nhận khá dài.

Như chúng tôi đã nghiên cứu ở bài viết *Những đặc điểm của văn học du ký trung đại*[4]: “Nhìn chung, mảng sáng tác trung đại có tính du ký có những nét riêng so với du ký hiện đại. Tất nhiên, ngành du lịch hiện đại có thể sử dụng tên tuổi của các văn nhân thi sĩ cùng những thơ phú của họ để quảng bá du lịch”. Ví dụ bài thơ *Qua đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan được tất cả các hướng dẫn viên du lịch sử dụng trong bài nói khi dẫn khách đi qua địa danh Đèo Ngang, cũng không có bài viết nào về du lịch Hà Tĩnh hay Quảng Bình mà không nhắc tới bài thơ này. Mặt khác, phải thừa nhận là giá trị thông tin và nhận thức con người, văn hóa từ những sáng tác như thế chưa cao so với sáng tác du ký hiện đại. Tuy nhiên việc mô tả những quan sát cuộc sống đô thị đã bắt đầu xuất hiện trong những bài ký của sứ thần ở nước ngoài. Thơ đi sứ về mặt nào đó cũng có thể coi là du ký, tuy chúng có những khác biệt khá lớn so với du ký hiện đại. Trong văn học trung đại, các nhà Nho làm thơ thường dụng điển trong sáng tác sao cho lời ít ý nhiều nhằm tăng cường sự biểu đạt. Nguyên nhân một phần do việc sử dụng tiếng Hán có nhiều điển tích điển cố, ngôn ngữ phải vay mượn nên sự ngắn gọn, sâu sắc là mục đích ngôn từ của các nhà thơ. Triệu Dục Thanh (đời Thanh) trong *Âu Bắc thi thoại* cho rằng: “*Chuyện xưa thành điển cố, thì một điển cố đã có một ý rồi. Người làm thơ mượn ý để diễn tả thành tình của mình thì tự nhiên cảm giác càng nhiều gấp đôi*”. [5] Khác với các tác phẩm bằng Hán tự, văn chương quốc ngữ, loại văn mà câu từ được thả sức tung hoành, nhà văn nhà thơ được tự do diễn tả cảm xúc cũng như tả thực mà không bị gò bó bởi câu chữ. Đây là một

trong những điều kiện cho văn chương quốc ngữ phát triển mạnh mẽ đầu thế kỷ XX.

Khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cùng với sự du nhập của văn minh Tây Âu, chữ quốc ngữ khi đó đã khá phổ biến và thông dụng. Việc xuất hiện chữ quốc ngữ là một trong những điều kiện đa chiều cho sự phát triển của văn học nói chung, văn du ký nói riêng, thậm chí cả sự “phát triển” của người viết và người đọc cũng tăng lên đáng kể. Trong khi việc học chữ Hán vừa khó vừa lâu, thì việc thành thạo chữ quốc ngữ lại rất nhanh chóng. Cuốn *Việt Nam văn phạm* của Trần Trọng Kim xuất bản năm 1941 viết về ngữ pháp tiếng Việt đã được cả xã hội nhiệt thành chào đón. Có thể coi cuốn sách này “là một sự cố gắng lớn và ai nấy đều công nhận sự nó ra đời là hợp với nhu cầu của thời đại”. [6] Đinh Gia Trinh viết: “Lịch sử ngôn ngữ, văn từ lại chẳng có lợi cho sự phát triển của văn chương Việt Nam. Thuở xưa các nhà Nho dùng chữ Hán để viết sách và thi cử. Chữ Nôm mãi đến thế kỷ thứ 10 mới đặt ra. Tới thế kỷ thứ 13 mới thực được dùng trong văn chương. Nhờ các giáo sĩ ngoại quốc, lối viết chữ Nôm bất tiện đã được thay bởi lối viết dùng các chữ cái La Tinh (chữ quốc ngữ) giản dị và dễ học. Nghề in của Tây Phương nhập vào ta với lợi khí của chữ quốc ngữ đã khiến cho văn chương Việt Nam bước vào một thời kỳ bành trướng mới”. [7].

Trước đó, qua rất nhiều tác phẩm *du ký trung đại* của các sứ thần viết khi đi sứ khắp các nước Châu Á, Châu Âu và trong khu vực, ngay từ thời trung đại, một số nhà nho – sứ giả ấy đã thông qua hình thức tản văn (văn xuôi không cốt truyện) hoặc hình thức thơ viết lại hành trình cùng các suy nghĩ, nhận định của mình từ các chuyến đi với tính chất du ký. Nhưng loại du ký này có những đặc điểm riêng so với du ký hiện đại xuất hiện bằng chữ quốc ngữ mà ta đã đề cập. Vậy những tiền đề văn hóa

xã hội nào đã tác động đến sự hình thành thể loại văn xuôi phi cốt truyện hiện đại này?

Đặc điểm lớn nhất xét về văn hóa xã hội giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chính là những biến đổi mạnh mẽ do tác động của cuộc xâm lược, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Văn hóa xã hội Việt Nam có sự thay đổi mạnh mẽ do quá trình tiếp xúc Đông Tây này gây nên. Cuộc xâm lăng đã tác động nhiều mặt đến đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của nước ta, tăng tốc quá trình tiếp xúc văn hóa Đông-Tây, biến đổi quan niệm và nhận thức của người Việt về nhiều lĩnh vực.

Khác với nhận thức được tiếp nhận một cách dè dặt từ một số tác phẩm của rất ít nhà Nho đi sứ, việc người Pháp vào Việt Nam với các cuộc khai hóa thuộc địa có quy mô dẫn đến sự tiếp xúc mạnh mẽ về văn hóa. Những người trực tiếp tiếp nhận văn hóa Phương Tây đưa ra những nhận xét về văn học Việt Nam trong quá trình giao lưu với văn học Phương Tây, cụ thể nhiều nhà Nho tiến bộ sau khi có những chuyến công cán “sang Tây” hoặc tiếp xúc với văn minh Tây Âu, đã cố gắng đưa vào sáng tác những từ ngữ dễ hiểu, đưa vào những tri thức mới, thuật ngữ mới. Họ cố gắng “dần dần thoát ly ra khỏi những ảnh hưởng bó buộc của văn Tàu, văn chương Việt Nam trong khi biến hóa dưới ảnh hưởng những tư tưởng phóng khoáng và cách hành văn không câu nệ của Tây phương, đã dần dần để phát triển những đức tính cố hữu của nó” [8].

Có thể kể đến một số nhân tố quan trọng sau:

### 1. Phá vỡ không gian khép kín của xã hội Phương Đông xưa

Người Việt Nam xưa chỉ biết nhìn thế giới theo mô hình của người Trung Quốc. Người Hán coi văn minh của chính mình là trung tâm (Trung Hoa là trung tâm tinh hoa của vũ trụ),

còn các nền văn minh khác là ngoại biên, là man di mọi rợ nên họ đóng cửa với mọi nền văn hóa khác. Người Việt cũng mô phỏng cái nhìn thế giới này. Có nhiều bằng chứng cho điều này mà rõ nhất là sách *Dur địa chí* (trung truyện Nguyễn Trãi cũng có tham gia soạn). Nay tiếp xúc với Tây phương, với văn hóa Pháp đã “mở mắt” cho các nho sĩ, khiến họ hiểu thế giới bao la, rộng lớn, kích thích nhu cầu hiểu biết những nền văn minh mới lạ. Cao Bá Quát mới đi ở khu vực Châu Á đã phải thốt lên: “Từ khi vượt biển mới thấy vũ trụ bao la”. Cao Bá Quát đã đưa những hình ảnh rất mới về người phụ nữ Phương Tây vào bài thơ *Dương phụ hành* và thể hiện sự ngạc nhiên trước sự khác biệt hoàn toàn về văn hóa: Phương Tây rất trọng nữ giới, ở Phương Đông, trong đó có Việt Nam lại *trọng nam khinh nữ* (*Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*), ở Phương Tây màu trắng được sử dụng phổ biến và được coi là một màu sắc sang trọng thì ở Phương Đông lại coi màu trắng là màu tang tóc...

Sự tiếp xúc này đã chỉ ra nhiều điều mới lạ mà văn chương trước đây chưa hề viết đến. Khi mà tư tưởng Khổng giáo đã hằn sâu trong tâm thức thì các nhà văn không thể nào có những mộng ước văn chương lớn lao, họ luôn bị những: “*Giấc mơ con dề nát cuộc đời con*”, và “*Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp*”, họ luôn cố gắng làm tròn phận sự của một người con hiếu, tôi trung, “đi theo những con đường đã vạch sẵn”. [9]

Chúng tôi nghiên cứu các tác phẩm du ký nhằm mục đích kiến tạo một lịch sử văn học viết về du lịch xuyên suốt từ văn học Trung đại đến văn học nửa đầu thế kỷ XX trên một số báo và tạp chí. Do nhu cầu du lịch ngày càng tăng, sự phát triển của thể loại văn du ký từ giữa thế kỷ XX đến thập kỷ đầu thế kỷ XXI đã có một sự bật khởi mạnh mẽ trên toàn thế giới mà để nghiên cứu hệ thống này cần rất nhiều thời gian

và công sức. Tuy nhiên, chúng tôi giới hạn nghiên cứu, so sánh văn thơ du ký Trung đại với văn thơ du ký nửa đầu thế kỷ XX để có thể thấy được sự bứt phá ngoạn mục của thể loại này trong quá trình tiếp xúc văn hóa Đông Tây.

Có một sự thay đổi đặc biệt của văn học giai đoạn này là khi tiếp xúc với văn minh Phương Tây rồi nhìn lại xã hội Việt Nam, các nhà cải cách văn hóa thấy có một sự cách biệt quá lớn giữa một bên là văn minh Phương Tây với khoa học kỹ thuật đã phát triển vượt bậc và một bên là Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu, chính vì thế văn chương giai đoạn đầu thế kỷ XX có nhắc đến truyền thống nhưng rất ít và đặc biệt chú trọng vào hiện tại. Sự thay đổi của môi trường xã hội sẽ đi vào văn học bởi văn học luôn chịu sự chi phối trực tiếp của những điều kiện lịch sử, xã hội và văn hóa. Khi mà chúng ta: “ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây”[10] tức là chúng ta đang Âu hóa. Trong một xã hội đang Âu hóa mạnh mẽ như vậy, Hoài Thanh cũng nhấn mạnh: “Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông. Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư tưởng mới”[11]. Không chỉ trong các vật dụng, trên các báo và tạp chí đầu thế kỷ XX đầy rẫy các tư tưởng Tây phương và chúng được đón nhận như một luồng gió mới mang đầy sinh khí. Đinh Gia Trinh nói về văn học: “Văn chương ta nghèo nàn quá và những tác phẩm của nó không đủ tư cách làm hài lòng các sự nhu cầu mà một văn minh của phương xa đã mang lại

cho thế hệ trẻ chúng ta. Bao nhiêu sự thiếu thốn trong Văn chương Việt Nam! Trong cái xã hội đóng kín khi xưa, nghệ thuật chỉ có biết một vài đường đi quen sẵn. Thi ca chỉ ca ngợi một vài tình cảm cổ điển được xã hội thấu nhận; triết học, ở ngoài tác phẩm của một vài thiên tài, chỉ là những mớ tư tưởng nhắc lại, những tranh luận vô tận về lời hơn là về ý. Sáng tạo ở văn chương không được xem là một mục đích thiêng liêng...! Mỗi tác giả viết trong những giờ nhàn rỗi, chỉ để lại cho hậu thế dăm ba bài thơ, một vài quyển luận thuyết. Làm ta không khỏi bỡ ngỡ trước sự phong phú của văn chương một nước bên Tây Phương... văn chương Việt Nam có bao miền, bao góc đồng bằng vẫn có thể nói là còn hoang dại”.[12]

Phạm Quỳnh, một nhà cải cách văn hóa nhận xét: “Người ta thường nói thơ là tiếng kêu tự nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thực là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy, cho nó hay hơn, trụng vắn trụng điệu hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy”[13]. Rồi ông cũng “phê” bài thơ *Qua đèo Ngang* của bà Huyện Thanh Quan là hay, là khéo, tả cảnh rất đẹp, thiên nhiên như một bức tranh nhưng “phần nhân công nhiều mà phần tự nhiên ít” [14], tức là cái dụng công của Bà huyện Thanh Quan đã làm mất đi hầu hết cái cảm hứng của thơ.

Trong trào lưu chung ấy, mảng văn học du ký nổi bật như một thể loại được ưu ái đặc biệt, bởi những chuyển đi là sự thay đổi từ trong tư duy, khi con người đi để chơi, đi để hưởng thụ, để tìm hiểu văn hóa văn minh, tức là hoàn toàn chủ động trong mục đích đi để tìm hiểu, khám phá chứ không thụ động như trong các chuyến đi công cán, nơi mà sự ghi chép chỉ là nhiệm vụ, “tiện thể” hoặc là “thú vui bất ngờ”. Chúng tôi nghiên cứu so sánh du ký trung đại với du ký hiện đại để thấy sự khác nhau giữa các thế hệ tác giả trong giai đoạn giao lưu văn hóa Đông Tây

phát triển mạnh mẽ. Qua các tác phẩm du ký có thể thấy được sự khác nhau về loại hình diễn ngôn, về tính cách dân tộc, về bản sắc văn hóa, về cách các nhà văn hình dung và mô tả lại các không gian khác nhau của các vùng khác nhau, trong nước cũng như ngoài nước. Chúng tôi sẽ nghiên cứu sử dụng các tác phẩm du ký như những phương tiện “vẽ và tạo hình” thế giới thực tại ở các địa điểm khác nhau.

## 2. Sự hình thành con người cá nhân

Về văn hóa, do ảnh hưởng của quan niệm về con người cá nhân của Tây phương, trong văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX hình thành một cảm hứng lãng mạn khẳng định con người cá nhân, cảm hứng ra đi, tách khỏi không gian cộng đồng, xê dịch, giang hồ. Xuất hiện rất nhiều bài ca ngợi và cổ vũ cho việc đi du lịch trên các báo và tạp chí. Trong bài *Nói về cuộc du lịch Pháp quốc*, ông Hồ Văn Lang có viết: “Người Đông Pháp ta (Chỉ người Việt Nam-NTTH) mấy năm sau đây đã có nhiều người sang Pháp quốc mà du lịch mà thứ nhất là người Nam kỳ, người đi du lịch cũng nhiều lại sang đó du học cũng không ít” [15]. Khi người Việt Nam nhận ra “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”, họ càng khao khát ra đi, khao khát tìm hiểu những chân trời mới lạ đầy cuốn hút, họ muốn thoát ra khỏi cái ao làng tù đọng bao lâu nay. Văn chương du ký Việt Nam trung đại vốn dĩ: “Lối thông thương ít, du lịch ít, lòng tha thiết với quê hương mạnh cho nên văn chương thiếu màu sắc của những phương trời xa lạ. Những nhà văn ta khi xưa không ưa tả cảnh tỉ mỉ, đến giới mây sông núi nước ta cũng chỉ được ghi vẽ hồ đồ và sơ giản, còn nói chi đến cảnh trí nước ngoài” [16]. Nhưng rồi nhưng du nhập của Phương Tây: “Một buổi sáng ở Vịnh Naples, một đêm giăng ở Tân thế giới, một buổi

chiều bên những lâu đài cổ đã đổ nát ở Rome, ở Athenes, cuộc viễn du ở bể khơi chẳng phải là không ảnh hưởng tới tính tình của những thi, văn sĩ...” [17], đã có ảnh hưởng sâu sắc đến thế hệ trẻ các nhà thơ, nhà văn Việt Nam thời kỳ “Âu hóa”, thời kỳ mà “tinh thần Á Đông” đã bước đầu hòa nhịp với đời sống Tây phương và cả hoàn cầu. “Trong non một thế kỷ nay, trong sự sống chung với người Pháp, chúng ta đã hưởng thụ nhiều cái mới lạ của văn minh Âu châu. Những thói cũ ở văn nghệ, ở triết học đối với chúng ta không có một giá trị triết học như xưa nữa. Chúng ta đã ra khỏi căn nhà nhỏ của ta để ý nhìn những miền trời xa rộng, và do những điều trông thấy, cảm thấy, chúng ta đã đổi một ít phương châm xét đoán các giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nước nhà...”, và “Sự cách mệnh tinh thần ấy đã làm nảy nở ra một nền văn chương mới ở đầu thế kỷ thứ 20 này” [18].

Hưởng ứng phong trào thơ mới, con người cá nhân dần dần lấy được vị trí trong văn đàn thay cho việc luôn làm theo luân lý. Đinh Gia Trinh đã phê phán: “Ở văn chương Việt Nam không có những bệnh não khó chữa của trái tim, mà cũng không có cuộc chạy rông của trí tưởng tượng. Đông Phương là đất ưa yên tĩnh, ít sôi nổi, bông bột... Văn chương Việt Nam rõ rệt là thiếu sự phong phú và sự hưng phát mãnh liệt” [19]. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã viết về sự lẩn tránh cái tôi trong thơ xưa: “Ngày thứ nhất - ai biết đích ngày nào - chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách, bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bực kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và

thăng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ tôi để nói chuyện với người khác. Song dầu tào bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ tôi, để nói với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người” [20]. Ông cũng nhận xét rất hay về sự thay đổi trước và sau Tân Đà, là sự xuất hiện của những “cái tôi” hoàn toàn mới: “...hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên,... và tha thiết, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu” [21]. Hoài Thanh đã tổng kết một giai đoạn, một trào lưu văn học thật tài tình. Dù ông có nói: “Mỗi nhà thơ Việt Nam hình như mang nặng trên đầu năm bảy nhà thơ Pháp”[22] để chỉ ra sự ảnh hưởng của nền thi ca lãng mạn và tượng trưng của Pháp đến phong trào thơ mới nước ta, nhưng rồi chính ông lại thanh minh cho họ: “tìm ảnh hưởng để chia xu hướng”, còn “Tiếng Việt, tiếng Pháp khác nhau xa. Hồn thơ Pháp nếu chuyển được vào thơ Việt là đã Việt hóa hoàn toàn... Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt Nam...”. Việc ca ngợi cái hay, cái mới là không thể không, nhưng việc cảm thấy có lỗi với “các cụ” cũng là điều khó tránh. Hoài Thanh cũng hết sức nhấn mạnh cái “tôi” rất cụ thể trong thơ mới đã thay thế cho cái “ta” chung chung trong thơ trung đại. Chỉ cái “tôi” mới nói được cái hồn thơ phóng túng, bay bổng, chỉ phong cách mới mới có thể giúp thơ thoát ra khỏi mọi ràng buộc của niêm và luật. Khi tuyển chọn ra tập *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã nhận định các nhà thơ mới làm thơ vì con người cá nhân với tình yêu và cuộc sống thực đầy màu sắc.

Thơ văn mới viết về sự ra đi với những cảm hứng mãnh liệt, những gọi mời hấp dẫn ở những vùng đất đầy bí ẩn; rất nhiều những tiếng còi tàu trên các sân ga tiễn biệt khách lữ hành. Bài thơ *Tình già* của Phan Khôi đã “dem đến

làng thơ Việt Nam bầu không khí khác lạ, một thể thơ mới hoàn toàn từ hình thức đến nội dung. Nó đã phá cái cổ lệ để chính thức cho chào đời một lối thơ mới, mở màn cuộc thay đổi quan trọng của thi ca dân tộc ...”[23]. Như vậy văn học nước nhà luôn gắn liền với cuộc duy tân của đất nước.

Những tiếng gọi lên đường vang vọng khắp các trang thơ, trang văn của trên hầu khắp các sách, báo và tạp chí. Con người lúc đó hân hoan đón nhận những cái mới mẻ, đón nhận những luồng gió mới: “Ôi, những phương trời xa lạ! Đi, đi để yêu tha thiết. Đi để tô điểm cuộc sống thêm những màu mới mẻ. Đi để hít những không khí phương xa, để ôm ấp những hình dáng tôi chưa biết. Tới một Phương Tây xa xôi qua bao trùng biển cả”[24]. Đi và viết là cặp bài trùng của các văn nhân, thi sĩ: họ đi để viết, và vì viết nên đi.

Tiểu thuyết *Tự lực văn đoàn* cổ vũ cho con người cá nhân chống lại áp chế của gia đình kiêu cũ. Đây là một nhân tố văn hóa-tâm lý quan trọng tác động đến văn học du ký. Tiểu thuyết *Đoạn tuyệt* đã hết sức đề cao con người cá nhân, mô tả con người cảm thấy bức bối, tù túng như thế nào trong cái xã hội phong kiến ẩn dưới hình ảnh một cô con dâu cố cự quạ, vùng vẫy trong sự kìm kẹp của gia đình nhà chồng. Cô mong một sự bứt phá, một sự ra đi, một sự thoát khỏi.

Nguyễn Tuân cũng viết về thú giang hồ xê dịch với mong muốn khi mình chết đi, da được thuộc và đóng thành chiếc va li để tiếp tục được lên đường. Tư tưởng này cũng ảnh hưởng trực tiếp của văn chương Pháp chứ chẳng phải do Nguyễn Tuân sáng tạo ra. Ông vay mượn nó ở phương Tây của nhà triết học Nitso, Andre Gide, Pon Moran... hay bất kỳ ai đó mà ông đọc được. Nguyễn Tuân viết cuốn *Thiếu quê hương* tác động đúng tâm lý thích đi du lịch, vốn là một cái thú của con người ta xưa nay.

Trong *Thơ mới* cũng có rất nhiều bài thơ ca ngợi sự ra đi như *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm hay *Giây phút chạnh lòng* của Thế Lữ:

“Non nước đang chờ gót lãng du  
Đâu đây vắng tiếng hát chinh phu  
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc  
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ  
... Năm năm theo tiếng gọi lên đường  
Tóc lộng tôi bời, gió bốn phương  
Mấy lúc thân thờ trông trở lại  
Để hồn mơ tới bạn quê hương” [25]

Con người cá nhân được khẳng định một cách quyết liệt, cái “tôi” được người ta tìm kiếm và ca ngợi.

### 3. Các phương tiện hỗ trợ

Một số yếu tố là điều kiện đủ đóng vai trò quan trọng cho việc đi và viết là các phương tiện hỗ trợ như: đường giao thông phát triển, phương tiện giao thông thuận tiện, việc in ấn, xuất bản nhanh chóng kịp thời...

Các phương tiện giao thông phát triển như đã có xe hơi, xe khách, tàu hỏa chạy từ Hà Nội đi Sài Gòn, thậm chí có tàu thủy chạy từ Kim San (San Francisco – California – Mỹ) đến Sài Gòn. Đường xá được mở mang tốt hơn đã rút ngắn khoảng cách không gian địa lý. Mạng lưới đường giao thông mở rộng thuận tiện cũng góp phần kích thích con người đi xa. Giao thông quốc tế cũng phát triển với tàu biển, máy bay đã nối liền những miền đất xa xôi chưa hề được biết đến trong xã hội cũ. Tác giả Điệp Isdore viết trong *Giao du tứ hải*: “...khách bộ hành từ Nam ra Bắc, Bắc vô Nam đã có nhờ được sự tiện lợi mà đi lại với nhau thường thường” [26]. Các chuyến du lịch theo đúng

nghĩa được tổ chức để: *Đi cho biết đò biết đày, Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.*

Khoa học công nghệ Phương Tây vào Việt Nam đem theo kỹ nghệ in ấn và cùng với việc in ấn thuận tiện là sự xuất hiện của hàng trăm báo và tạp chí: ngoài một số lượng không nhiều báo bằng tiếng Pháp và tiếng Hán, còn lại là báo bằng chữ quốc ngữ. Hàng trăm tờ báo bằng chữ quốc ngữ là mảnh đất màu mỡ cho các thể loại văn học phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các thể loại văn học mới được du nhập vào Việt Nam trong quá trình giao lưu văn hóa Đông Tây, trong đó du ký nổi bật là một thể loại văn học “thời thượng” và thu hút được sự quan tâm của đông đảo độc giả. Chứng minh cho nhận định này có thể thấy sự xuất hiện của du ký trên nhiều báo và tạp chí có uy tín giai đoạn đó như: Tạp chí *Nam Phong*, báo *Thần Chung*, báo *Lục tinh tân văn*, báo *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn*, tạp chí *Phụ nữ tân văn*, *Trung lập báo*...

Hồ Văn Lang, giám đốc nhà xuất bản Sa Đéc, một cây bút với rất nhiều bài viết cổ động cho cái mới, cổ vũ cho việc học và đọc để nâng cao dân trí của người Việt, đã ca ngợi việc in ấn, xuất bản bên Pháp, ông bày tỏ sự ngưỡng mộ về việc in ấn, xuất bản, phát hành và sự ham đọc của người dân Pháp: “Chớ tại Paris một ngày in ra không biết mấy trăm mấy chục thứ báo, sáng ra thì có báo xuất bản ra sớm mai, trưa lại có báo xuất bản ra trưa, chiều lại cũng có báo xuất bản chiều, mà một tờ báo vậy ít là sáu trương hay là tám trương, như vậy mà người ta không thông minh sao đặng, vì cũng bởi ai ai cũng ham đọc, ai ai cũng ham hiểu thời sự, chớ không phải có cái bình làm biếng đọc đâu!

Khi tờ báo xuất bản, thì có nào xe hơi nào xe điện, nào trẻ con, chạy phát cùng thành thị, trong giây lát thì hết liền cho nên cách sắp đặt



phát báo hay lắm, thành này qua thành kia, trong giây lát thì có thấy xe hơi đem đến.

Ấy là việc đọc và xuất bản nhật trình. Còn sách, ôi thôi nói sao cho xiết đặng, vô nhà xuất bản sách thì cũng như cái tàng thơ viện, biết mấy mươi muôn mấy triệu thứ, còn tại tàng thơ viện vô đó rồi, người ta nói đừng coi làm chi, đếm từng cuốn mà chơi có khi chót vài tháng mà chưa hết sách. Mà người Lang Sa mê đọc sách lắm, có người vô đó đọc rồi không muốn về, cho nên tại tàng thơ viện thì có nhà hàng bán cơm ở trong, coi rồi tới bữa ăn tại đó, ăn rồi coi nữa chừng nào đóng cửa mới chịu về cho”.[27]

Như vậy những tiền đề văn hóa xã hội Việt Nam đã hội đủ mọi điều kiện thuận lợi nhất của thời đại lúc bấy giờ để văn học Việt Nam, trong đó có du ký hiện đại bước sang một trang mới, ngõ hầu thể hiện sự hòa nhập với nền văn học thế giới.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nhiều tác giả, *Du hành ký*, bài *Sự hưởng thụ trong du lịch-ngao du* luận của Lâm Ngữ Đường, NXB Thanh Hóa, 2007, tr.5.
- [2] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2013, tr.25.
- [3] Đoàn Lê Giang, *Con đường hiện đại hoá văn học của các nước khu vực văn hoá chữ Hán (qua tư liệu văn học Việt Nam và Nhật Bản)*, Hội thảo Quốc tế Việt Nam – Nhật Bản, 2011.
- [4] Nguyễn Thị Thúy Hằng, *Những đặc điểm của văn học du ký trung đại*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 3, KHXX, 2014.
- [5] Trần Văn Chánh, *Truyện Kiều tập chú*, NXB Đà Nẵng, 1999.
- [6] Diệu Anh, Báo Thanh Nghị, *Đọc cuốn Việt Nam văn phạm của ông Trần Trọng Kim*, số 2, 1941, tr.9.
- [7] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương Việt Nam*, số 3, 1941.
- [8] Diệu Anh, Báo Thanh Nghị, *Những hoạt động văn chương trong năm vừa qua*, Số 10, tháng 5/1942, tr.7.
- [9] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương*, số 2, tháng 7/1941.
- [10] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2013, tr.25.
- [11] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2013, tr.25.
- [12] Đình Gia Trinh, Báo Thanh Nghị, *Thanh niên với văn chương Việt Nam, một vài tin tưởng về nghệ thuật*, số 1, tháng 6/1941, tr.10.
- [13] Phạm Quỳnh, Nam phong tạp chí, bài *Văn học bình luận, bàn về thơ Nôm*, số 5, tr.294
- [14] Phạm Quỳnh, Nam phong tạp chí, bài *Văn học bình luận, bàn về thơ Nôm*, số 5, tr.295.
- [15] Hồ Văn Lang, Lục tinh tân văn, *Nói về cuộc du lịch Pháp quốc*, số 645.
- [16] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương*, số 4, tháng 9/1941.
- [17] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương*, số 4, tháng 9/1941.
- [18] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương*, số 4, tháng 7/1941.
- [19] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Tình cách văn chương*, số 2, tháng 7/1941.
- [20] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam, Một thời đại trong thi ca*, NXB Văn học, 2013, tr.48.
- [21] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam, Một thời đại trong thi ca*, NXB Văn học, 2013, tr.36.
- [22] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam, Một thời đại trong thi ca*, NXB Văn học, 2013, tr.39.
- [23] Nguyễn Tấn Long, *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, tr.87.
- [24] Đình Gia Trinh, báo Thanh Nghị, *Những tư tưởng buổi chiều*, số 6, tháng 12/1941.
- [25] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam, Một thời đại trong thi ca*, NXB Văn học, 2013, tr.65.
- [26] Tùng Lâm, Lục tinh tân văn, số 654, bài *Một khoảng đường từ Nha Trang tới Bồng Sơn*.
- [27] Hồ Văn Lang, Lục tinh tân văn, *Nói về cuộc du lịch Pháp quốc*, số 645.

## Socio-Cultural Premises of the Vietnamese Modern Travel Story

Nguyễn Thị Thúy Hằng

*VNU University of Social Sciences and Humanities,  
336 Nguyễn Trãi Road, Thanh Xuân Dist., Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Vietnamese cultural society had been changed quickly because of Eastern and Western connection. This connection had affected multiple aspects of Vietnamese economy, society, and culture, including the opinions and awarenesses of Vietnamese people. The appearance of the Romanized Vietnamese script was one of the most important conditions for the development of literature in general and travel stories in particular, in line with the increasing number of writers and readers.

From cultural perspective, the early 20th century Vietnamese literature, which was inspired by Western culture, encouraged individualism and adventure, breaking through the traditional community space, traveling, wandering.

Other important factors that favored adventure and travel writing were the development of transportation, and printing and publishing industry.

*Keywords:* Social culture, Middle Age travel stories, travel story literature, socially cultural premise.